

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 35/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05 tháng 02 năm 2024
V/v: “*Tranh chấp về ly hôn*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Long

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Sỹ Danh Huệ

2. Ông Nguyễn Văn Thắng

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 235/2023/TLST – HN&GD ngày 19 tháng 12 năm 2023 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1990; CCCD số 001090060156 do Cục cảnh sát cấp ngày 25/8/2023; Nơi cư trú: tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội;

* Bị đơn: Chị **Nguyễn Thu H**, sinh năm 1993; CCCD số 001193026494 do Cục cảnh sát cấp ngày 20/4/2021; Nơi cư trú: tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội;

Anh T, chị H đều có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, các tài liệu chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Bùi Văn T trình bày như sau:*

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và cô H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyền số 7/2012. Sau khi cưới chúng tôi về chung sống tại tổ dân phố D, thị trấn Q. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù hai bên gia đình có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay vợ chồng không còn tình

cảm, mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chúng tôi đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Xác định vợ chồng không còn tình cảm nên tôi đề nghị Toà án cho ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Tôi xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Trâm, cháu Duy và không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Tôi xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về các khoản vay nợ: Tôi xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Về án phí: Tôi đồng ý chịu toàn bộ án phí sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

*** Bị đơn là chị Nguyễn Thu H được Toà án triệu tập họp lệ nhiều lần, tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 29/01/2023, chị H trình bày:** Chị đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo hoà giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng do công việc ở xa nên chị H không tham gia phiên tòa sơ thẩm được, chị H cũng đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn với anh Bùi Văn T. Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn, Anh T đề nghị được nuôi 02 con chung và không yêu cầu tôi đóng góp nuôi con chung, chị H đồng ý. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Chị H xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Về các khoản vay nợ: Chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho nguyên đơn, bị đơn. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải cho các đương sự được.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt, vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:**

+ Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định Điều 48; Điều 198; khoản 2, 3 Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Thẩm quyền thụ lý và giải quyết vụ án, quan hệ pháp luật và tư cách tố tụng của người tham gia tố tụng Điều 28, 39, 40 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

+ Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay đương sự đã được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 28; Điều 58; 63; 70 và khoản 1 Điều 228, Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh Bùi Văn T được ly hôn với chị Nguyễn Thu H. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015 cho anh Bùi Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung đối với chị H cho đến khi Anh T có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác. Về tài sản chung và nhà ở, các khoản vay nợ nguyên đơn, bị đơn xác nhận tự thỏa thuận nên không yêu cầu giải quyết. Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án để tuyên nguyên đơn chịu án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra và tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn, Tòa án đã tiến hành ghi khai của đại diện gia đình bị đơn và đại diện chính quyền địa phương nơi bị đơn cư trú. Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt và bảo lưu toàn bộ lời khai tại bản tự khai, đơn xin xét xử vắng mặt vì vậy Tòa án áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn. Tòa án tiến hành giải quyết vụ án đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét quan hệ hôn nhân giữa anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thu H là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả. Anh chị đã ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Anh T, chị H đều xác định không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

[3] Tòa án đã tiến hành ghi ý kiến của bà Bùi Thị Hằng, sinh năm 1973; nơi cư trú: tổ dân phố Hoa Vôi, thị trấn Q, huyện Q - là mẹ đẻ của chị Nguyễn Thu H. Bà Hằng trình bày: Về tình cảm: Con gái tôi là Nguyễn Thu H và con rể tôi là Bùi

Văn T có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q. Sau khi cưới, Anh T, chị H về chung sống tại tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện Q. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Mặc dù hai bên gia đình có biết và hoà giải nhưng không có kết quả. Nay Anh T xin ly hôn, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho Anh T, chị H được ly hôn; Về con chung: Anh T, chị H có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015. Khi Tòa án giải quyết ly hôn, Anh T yêu cầu được nuôi cháu Trâm, cháu Duy và không yêu cầu chị H đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung, bà Hằng đồng ý; Về tài sản chung và nhà ở: Quan điểm của gia đình để hai anh chị tự quyết định; Về khoản nợ: Gia đình chúng tôi xác nhận không vay nợ hai anh chị và hai anh chị cũng không vay nợ gì gia đình chúng tôi.

Tòa án đã xem xét nguyện vọng tại bản tự khai của cháu Bùi Thị Ngọc T, và cháu Bùi Ngọc D - là con đẻ của Anh T, chị H. Hai cháu cho biết: Bố mẹ có nhiều mâu thuẫn, hay cãi vã. Khi Tòa án giải quyết ly hôn các cháu có nguyện vọng ở với bố để bố trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc được thuận tiện hơn.

Tòa án đã tiến hành xác minh mâu thuẫn tại địa phương nơi vợ chồng chung sống. Ông Nguyễn Trọng Hoàng - Phó Chủ tịch UBND thị trấn Q, ông Hoàng cho biết: Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thu H có tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 7 năm 2012 tại Ủy ban nhân dân thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 63, quyển số 7/2012. Sau khi cưới Anh T, chị H về chung sống tại tổ dân phố D, thị trấn Q. Vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống. Khi mâu thuẫn xảy ra, mặc dù hai bên gia đình có biết và hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Chị H đã bỏ về nhà mẹ đẻ sống ly thân từ tháng 02/2023. Nay anh Bùi Văn T làm đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thu H, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Q giải quyết theo quy định của pháp luật; Về con chung: Xác nhận anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thu H có 02 con chung là cháu Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và cháu Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015. Hiện cháu Trâm và cháu Duy đang được Anh T trực tiếp nuôi dưỡng tại tổ dân phố D, thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy về quan hệ hôn nhân: Anh T, chị H kết hôn hợp pháp trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, sống không hợp nhau, không hạnh phúc. Khi mâu thuẫn xảy ra gia đình hai bên có biết và hòa giải nhưng không có kết quả và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02 năm 2023 cho đến nay. Bị đơn là chị Nguyễn Thu H đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không đến Tòa làm việc nhưng cũng đã thể hiện quan điểm giải quyết vụ án là đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của anh Bùi Văn T. Xét hôn nhân giữa Anh T, chị H là không có khả năng đoàn tụ, mục đích hôn

nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử giải quyết cho Anh T được ly hôn với chị H là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về con chung: anh Bùi Văn T và chị Nguyễn Thu H có 02 con chung Bùi Thị Ngọc T, sinh ngày 07/11/2012 và Bùi Ngọc D, sinh ngày 08/10/2015. Khi ly hôn, Anh T đề nghị được nuôi 02 con chung, chị H đồng ý. Đồng thời nguyện vọng của cháu là được ở với bố nên cần chấp nhận.

[6] Về tài sản chung (động sản và bất động sản): anh chị xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: Anh T, chị H xác nhận vợ chồng không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ. Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm;

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Từ các căn cứ và nhận định của Hội đồng xét xử;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81; Điều 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39; Điều 70; khoản 4 Điều 147; Điều 203; khoản 1 Điều 228, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ Điều 27, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

1. Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của anh **Bùi Văn T**;

Anh **Bùi Văn T** được ly hôn với chị **Nguyễn Thu H**.

2. Về con chung: anh, chị có 02 con chung là cháu **Bùi Thị Ngọc T**, sinh ngày 07/11/2012 và cháu **Bùi Ngọc D**, sinh ngày 08/10/2015. Giao Anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 con chung kể từ tháng 02 năm 2024 đến khi các con chung đủ 18 hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi các con chung đối với chị H cho đến khi Anh T có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác.

Chị Nguyễn Thu H có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh T, chị H xác nhận tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về khoản nợ: Anh T, chị H xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí: anh Bùi Văn T phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0019814 ngày 19 tháng 12 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 05 tháng 02 năm 2024. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi Cục THA dân sự huyện Q;
- UBND thị trấn Q, huyện Q, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long